

Số:42/2025/QĐST-VHNGĐ

Phổ Yên, ngày 19 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 211, Điều 212 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTWQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2025/TLST-VHNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2025 về “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Chị Trần Thị LA, sinh năm 1998; HKTT: Xóm D, xã VP, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố AB, phường ĐT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên và anh Lê Thanh T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ dân phố TC, phường TP, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị LA và anh Lê Thanh T tự nguyện kết hôn với nhau từ tháng 01 năm 2020, đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân phường TL vào ngày 02/01/2020 (số đăng ký kết hôn 01). Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2024 thì mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và cách sống nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xảy ra cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, không có hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ tháng 06/2024 đến nay. Nay cả hai anh chị cùng thống nhất có đơn yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thoả thuận thuận tình ly hôn; Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 5 năm 2025 là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị LA và anh T đều xác định trong quá trình chung sống anh chị có một con chung là: Lê Minh K, sinh ngày 20/6/2020.

Chị LA và anh T thống nhất thoả thuận: Giao cho chị Trần Thị LA trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Lê Minh K, sinh ngày 20/6/2020 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị LA và anh T thống nhất thỏa thuận, chị LA nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị LA, anh T đều xác định trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung không có.

[5]. Về lệ phí: Chị LA, anh T thống nhất thỏa thuận: Chị LA chịu toàn bộ lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thỏa thuận về ly hôn mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị LA và anh Lê Thanh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị LA, anh T đều xác định trong quá trình chung sống anh chị có một con chung là: Lê Minh K, sinh ngày 20/6/2020.

Chị LA, anh T thống nhất thỏa thuận: Giao cho chị Trần Thị LA trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Lê Minh K, sinh ngày 20/6/2020 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị LA, anh T thống nhất thỏa thuận: Chị LA nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi chị LA có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị LA, anh T đều xác định trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung không có.

1.5. Về lệ phí: Chị LA, anh T thống nhất thỏa thuận: Chị LA chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, theo biên lai thu số 0001606 ngày 07/5/2025.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND phường TL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy